

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hà.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024. về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: A1-2010, C1 Pháp Vân, phường HL, quận HM, thành phố HN.

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Xuân L**, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký HKTT: Khu 2, xã ND, huyện TB, tỉnh PT.

Hiện đang bị tạm giam tại: TTG số 1, Công an thành phố HN. Địa chỉ: Ngõ 702, phường PD, quận NTL, thành phố HN.

(Chị T và anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Đặng Xuân L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 10/4/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2012 quyền số 01/2010 tại UBND xã ND, huyện TB, tỉnh PT. Thời gian

chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ khoảng năm 2018, xuất phát từ những khác biệt trong quan điểm sống, văn hóa, ứng xử và đặc biệt là anh chị không có cùng chung ý chí làm ăn kinh tế, cũng như đối lập trong quan điểm chăm sóc con cái. Từ năm 2019, vợ chồng anh chị bắt đầu sống ly thân, mâu thuẫn gia đình đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thể khắc phục được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Gia B, sinh ngày 30/10/2012. Hiện nay cháu B đang ở cùng chị T. Nay ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

** Theo lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Đặng Xuân L trình bày:* Anh L và chị Nguyễn Thị Huyền T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 10/4/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2012 quyền số 01/2010 tại UBND xã ND, huyện TB, tỉnh PT. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân được 5 năm nay. Đến nay, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh L đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh L xác định anh và chị T đã có với nhau 01 con chung là cháu Đặng Gia B, sinh ngày 30/10/2012. Nay ly hôn anh nhất trí để cho chị T được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang chấp hành hình phạt tù nên anh anh có đơn xin được vắng mặt tại phiên hòa giải, các buổi làm việc tại Tòa án cũng như xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Đặng Xuân L.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Đặng Gia B, sinh ngày 30/10/2012 (hiện đang ở cùng chị T).

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Xác nhận chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, trả lại cho chị T 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T và bị đơn là anh Đặng Xuân L: Hiện nay anh Đặng Xuân L đăng ký hộ khẩu tại Khu 2, xã ND, huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

Vụ án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do anh L đang bị tạm giam tại TTG số 1, Công an thành phố HN, anh L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Xuân L và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đăng ký kết hôn ngày 10/4/2012, tại UBND xã ND, huyện TB, do vậy hôn nhân giữa anh L và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L thấy rằng: Chị T và anh L đều thừa nhận, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T, anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Xét, yêu cầu xin được ly hôn của chị T và anh L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật. Vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là phù hợp với quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T và anh L đều xác định anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Gia B, sinh ngày 30/10/2012. Hiện cháu đang ở cùng chị T. Nay ly hôn chị T và anh L đều đề nghị chị T được trực tiếp nuôi con. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay anh L đang bị tạm giam tại TTG số 1, Công an thành phố HN nên việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là không thể hơn nữa chị T đang trực tiếp nuôi con chung có đủ mọi điều kiện chăm sóc con chung hơn anh L. Vì vậy cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T và anh L thuận tình ly hôn, nên mỗi người phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên chị T nhận nộp thay tiền án phí mà anh L phải chịu nên chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng là phù hợp.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, Khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Đặng Xuân L.

[3]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đặng Gia B, sinh ngày 30/10/2012.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*); Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001918 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT. Trả lại cho chị T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã ND;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện

Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử phúc thẩm./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến

